TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG HỒ
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập–Tự do–Hạnh phúc

Bản án số: 103/2018/ HNGĐ-ST
Ngày 23-10-2018
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ, TỈNH VĨNH LONG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

-*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*: Ông Võ Công Bằng

-*Các hội thẩm nhân dân*: 1. Ông Trần Văn Hưng

2. Ông Nguyễn Văn Trước

-Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Tuyết Hoa –Thư ký Toà án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long

-Đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân huyện Long Hồ: Không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 23 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ xét xử công khai sơ thẩm vụ án Hôn nhân & Gia đình sơ thẩm thụ lý số: 349/ 2018/ TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2018, về việc " Tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số : 210/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 9 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 168/2018/QĐST-HNGĐ, ngày 03 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị Thanh T, sinh năm: 1979

Địa chỉ: ấp Q, xã Đ, huyện H, tỉnh L.

2. Bị đơn: Anh Phạm Văn S, sinh năm: 1970 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp Q, xã Đ, huyện H, tỉnh L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

-Theo đơn khởi kiện ngày 10/8/2018 và trong quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn chị Lê Thị Thanh T trình bày:

Qua mai mối chị và anh S tự nguyện tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và được Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, tỉnh L cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 15/5/1998. Sau khi cưới vợ chồng chị chung sống với cha mẹ của anh S, khoảng hơn 01 năm vợ chồng cất nhà ra riêng, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc và có 01 con chung. Đến năm 2003 phát sinh mâu thuẫn, anh S thường xuyên uống rượu về nhà hành hung, xúc phạm danh dự chị, có

khi xảy ra xô xát, chị có báo chính quyền địa phương giải quyết, nhưng anh S không khắc phục. Nay tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu ly hôn với anh S.

Về con chung: Có 01 con chung tên Phạm Duy K, sinh ngày 26/3/2000. Đã trưởng thành chị không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Chị cam kết không có thiếu nợ ai trong thời kỳ hôn nhân, nếu có chị cam kết trả nợ theo quy định của pháp luật.

-Bị đơn anh Phạm Văn S vắng mặt trong các phiên hòa giải, không có bản khai ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

-Ý kiến của chị T tại phiên tòa: Chị vẫn bảo lưu yêu cầu được ly hôn với anh S. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: chị không yêu cầu giải quyết. Ngoài ra chị không có yêu cầu gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Anh Phạm Văn S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh S.

[2]. Xét về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh S tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện được Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, tỉnh L cấp giấy chứng nhận kết hôn số 18 ngày 15 tháng 5 năm 1998. Do đó hôn nhân của chị T và anh S là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3]. Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Chị T và anh S tiến đến hôn nhân, nhưng trong thời gian chung sống giữa anh chị có nhiều bất đồng không thể giải quyết. Chị T trình bày anh S thường xuyên nhậu nhẹt không lo cho cuộc sống gia đình. Khi chị nói thì anh S chửi và kiếm chuyện với chị. Chị đã cho anh S nhiều cơ hội để sửa chữa nhưng anh không khắc phục, giữa chị và anh S sống không có hạnh phúc, anh chị đã ly thân từ nhiều năm nay, chị không còn tình cảm với anh S.

Xét, hôn nhân phải trên cơ sở tự nguyện. Mục đích hôn nhân là đem lại hạnh phúc cho nhau, cùng nhau chung sống, quan tâm chăm sóc, giúp đỡ, lo cho hạnh phúc gia đình. Nhưng mâu thuẫn giữa chị T và anh S đã đến mức trầm trọng, thời gian kéo dài, không thế hàn gắn được, đã có bạo lực gia đình xảy ra. Tại phiên tòa chị vẫn bảo lưu ý kiến yêu cầu ly hôn với anh S. Cho thấy việc chị T yêu cầu ly hôn với anh S là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân & Gia đình năm 2014.

Anh S đã được Tòa án thông báo về yêu cầu khởi kiện của chị T, nhưng trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, anh S vắng mặt, cũng không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu ly hôn của chị T. Cho thấy anh S không có yêu cầu được đoàn tụ với chị T và đồng ý đối với yêu cầu ly hôn của chị T.

[4]. Về con chung: Cháu Phạm Duy K, sinh năm 26/3/2000, đã trưởng thành, các đương sự không yêu cầu giải quyết.

[5]. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Về nợ chung: Các đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8]. Về án phí: Buộc chị T phải nộp toàn bộ tiền án phí Hôn nhân & Gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 9 Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 3, Điều 27 của Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Cho chị Lê Thị Thanh T được ly hôn với anh Phạm Văn S.

2. Về con chung: Cháu Phạm Duy K, sinh ngày 26/3/2000 đã trưởng thành các đương sự không yêu cầu giải quyết.

3. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Buộc chị Lê Thị Thanh T nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí Hôn nhân & Gia đình sơ thẩm. Chị T đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo lai thu số 0001743 ngày 10/8/2018 tại chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Hồ nên được khấu trừ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử có mặt nguyên đơn, bị đơn vắng mặt, báo cho đương sự biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người vắng mặt được

quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú./.

Nơi nhận:
-TAND Tỉnh Vĩnh Long;
-VKSND huyện Long Hồ;
-CC THADS huyện Long Hồ;
-Ủy ban nhân dân xã L-MT-VL
-Các đương sự trong vụ án;
-Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Công Bằng